

Bản án số: 122/2019/DS-ST

Ngày 25 - 9 - 2019

V/v tranh chấp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Trương Minh Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 308/2019/TLST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp hui theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 359/2019/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Mai Thị N, sinh năm 1960; cư trú tại: Ấp TH, xã TAKN, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Ông Lê Ánh T, sinh năm 1957; cư trú tại: Ấp TH, xã TAKN, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của ông T: Bà Mai Thị N là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 16/8/2019)

- Bị đơn:

1. Ông Mai Thanh X; cư trú tại: Ấp TH, xã TAKN, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Hồng N1; cư trú tại: Ấp TH, xã TAKN, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Mai Thị N và ông Lê Ánh T thống nhất trình bày: Trước đây, ông X và bà N1 có tham gia chơi 06 chung hụi trong 06 dây hụi do ông bà làm chủ hụi. Trong quá trình chơi hụi, sau khi ông X, bà N1 hốt hụi nhưng không đóng lại hụi chết cho ông bà, cụ thể:

- Dây thứ nhất: Mở ngày 20/11/2013 âl, loại hụi 500.000đ, 01 tháng khui 01 lần, dây hụi gồm 40 chung, ông X và bà N1 tham gia 01 chung, dây hụi này hiện đã mãn. Chung hụi này, ông X và bà N1 đóng được vài kỳ hụi sống thì bỏ hốt. Sau khi hốt, ông X và bà N1 đóng hụi chết cho ông bà còn 05 kỳ thì ngưng. Số tiền ông X, bà N1 còn nợ là 05 kỳ x 500.000đ = 2.500.000đ.

- Dây thứ hai: Mở ngày 10/10/2014 âl, loại hụi 1.000.000đ, 01 tháng khui 01 lần, dây hụi gồm 37 chung, ông X và bà N1 tham gia 01 chung, dây hụi này hiện đã mãn. Chung hụi này, ông X và bà N1 đóng được vài kỳ hụi sống thì bỏ hốt. Sau khi hốt, ông X và bà N1 đóng hụi chết cho ông bà còn 03 kỳ thì ngưng. Số tiền ông X, bà N1 còn nợ là 03 kỳ x 1.000.000đ = 3.000.000đ.

- Dây thứ ba: Mở ngày 15/6/2015 âl, loại hụi 1.000.000đ, 01 tháng khui 01 lần, dây hụi gồm 35 chung, ông X và bà N1 tham gia 01 chung, dây hụi này hiện đã mãn. Chung hụi này, ông X và bà N1 đóng được vài kỳ hụi sống thì bỏ hốt. Sau khi hốt, ông X và bà N1 đóng hụi chết cho ông bà còn 06 kỳ thì ngưng. Số tiền ông X, bà N1 còn nợ là 06 kỳ x 1.000.000đ = 6.000.000đ.

- Dây thứ tư: Mở ngày 30/02/2016 âl, loại hụi 1.000.000đ, 01 tháng khui 01 lần, dây hụi gồm 40 chung, ông X và bà N1 tham gia 01 chung, dây hụi này hiện đã mãn. Chung hụi này, ông X và bà N1 đóng được dài kỳ hụi sống thì bỏ hốt. Sau khi hốt, ông X và bà N1 đóng hụi chết cho ông bà còn 20 kỳ thì ngưng. Số tiền ông X, bà N1 còn nợ là 20 kỳ x 1.000.000đ = 20.000.000đ.

- Dây thứ năm: Mở ngày 06/6/2015 âl, loại hụi 1.000.000đ, 01 tháng khui 01 lần, dây hụi gồm 32 chung, ông X và bà N1 tham gia 01 chung, dây hụi này hiện đã mãn. Chung hụi này, ông X và bà N1 đóng được vài kỳ hụi sống thì bỏ hốt. Sau khi hốt, ông X và bà N1 đóng hụi chết cho ông bà còn 16 kỳ thì ngưng. Số tiền ông X, bà N1 còn nợ là 16 kỳ x 1.000.000đ = 16.000.000đ.

- Dây thứ sáu: Mở ngày 06/6/2015 âl, loại hụi 1.000.000đ, 01 tháng khui 01 lần, dây hụi gồm 32 chung, ông X và bà N1 tham gia 01 chung, dây hụi này hiện đã mãn. Chung hụi này, ông X và bà N1 đóng được vài kỳ hụi sống thì bỏ hốt. Sau khi hốt, ông X và bà N1 đóng hụi chết cho ông bà còn 16 kỳ thì ngưng. Số tiền ông X, bà N1 còn nợ là 16 kỳ x 1.000.000đ = 16.000.000đ.

Tổng số tiền hụi mà ông X, bà N1 còn nợ ông bà là 63.500.000đ. Ngoài ra, trước đây ông X và bà N1 còn nợ ông bà tiền hụi 900.000đ. Đến ngày 31/5/2019, ông X và bà N1 có viết giấy tay thừa nhận còn thiếu ông bà số tiền 64.400.000đ.

Sau đó, ông bà nhiều lần đến nhà ông X, bà N1 yêu cầu trả khoản tiền nợ, nhưng ông X, bà N1 hứa nhiều lần mà không trả. Nay ông bà yêu cầu ông X và bà N1 trả số tiền 64.400.000đ.

Đối với ông Mai Thanh X, bà Nguyễn Hồng N1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông bà không có ý kiến đối với nội dung và yêu cầu khởi kiện của bà N, ông T.

Tại phiên tòa: Bà N giữ nguyên yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Mai Thị N, ông Lê Ánh T khởi kiện yêu cầu ông Mai Thanh X, bà Nguyễn Hồng N1 trả tiền hội là vụ kiện tranh chấp hội, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ông X, bà N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không phải vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông X, bà N1.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc các đương sự có tham gia chơi hội và còn nợ tiền hội với số tiền 64.400.000đ là thực tế có xảy ra, việc này được thể hiện tại biên nhận nợ của ông X, bà N1 ngày 31/5/2019.

[4] Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà N, ông T là chủ hội, còn ông X, bà N1 là hội viên. Trong quá trình chơi hội, ông X, bà N1 sau khi hốt hội không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng hội cho bà N, ông T. Với vai trò là chủ hội, bà N, ông T phải thực hiện nghĩa vụ đóng hội thay cho ông X, bà N1 đối với các hội viên khác. Do đó, yêu cầu khởi kiện đòi tiền nợ hội của bà N, ông T đối với ông X, bà N1 là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Xét về án phí dân sự: Ông X, bà N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Cụ thể: $64.400.000đ \times 5\% = 3.220.000đ$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 91; Điều 5; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị N và ông Lê Ánh T.

1. Buộc ông Mai Thanh X và bà Nguyễn Hồng N1 phải có nghĩa vụ trả cho bà Mai Thị N và ông Lê Ánh T số tiền là 64.400.000 đồng (sáu mươi bốn triệu bốn trăm ngàn đồng).

2. Kể từ ngày bà Mai Thị N, ông Lê Ánh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Mai Thanh X và bà Nguyễn Hồng N1 chậm thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng ông X, bà N1 còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Về án phí dân sự:

3.1. Bà Mai Thị N và ông Lê Ánh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà N 402.000 đồng (bốn trăm lẻ hai ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0009640 ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

3.2. Ông Mai Thanh X và bà Nguyễn Hồng N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 3.220.000 đồng (ba triệu hai trăm hai mươi ngàn đồng).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Minh Thịnh